

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh– Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Số 11/15 khu phố 2, thị trấn D1, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Đinh Hồng P, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Số 11/15 khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 4 năm 2019, tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà N) trình bày:*

Bà N và ông P chung sống với nhau từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 15 tháng 7 năm 1999.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P có người phụ nữ khác tên Triệu Thị Hương ở ấp Đồng Lớn, xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Không có sống ở nhà, mà chung sống như vợ chồng từ tháng 12/2018 cho đến tháng 06/2019. Bà và ông P thường xuyên xảy ra cãi nhau, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, bà N xin ly hôn với ông P.

Con chung: Bà N và ông P có 02 con chung tên Đinh Hùng D, sinh ngày 08/6/2000 và Đinh Thị Diệu H, sinh ngày 08/01/2010. Bà N yêu cầu nuôi con chung tên Đinh Thị Diệu H, sinh ngày 08/01/2010 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Cháu D đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, bà N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đinh Thị Diệu H, sinh ngày 08/01/2010. Ông P làm nghề mua củi cao su nhưng nay chưa có việc làm. Bà N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh ông P thu nhập hàng tháng. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bà N đang làm công nhân thu nhập hàng tháng trung bình 7.000.000 đồng/tháng, nên bà N có khả năng nuôi con chung. Bà cũng xin nuôi con theo nguyện vọng của con chung tên Đinh Thị Diệu H khi cha mẹ ly hôn thì thích sống với mẹ.

- Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà N không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2019; tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tố tụng và lời trình bày tại phiên tòa của bị đơn (ông P) thể hiện như sau*

Ông P xác định lời trình bày của bà N về việc kết hôn, con chung là đúng. Ông P thừa nhận có một thời gian từ tháng 12/2018 cho đến tháng 06/2019, ông P sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác tên Triệu Thị H ở ấp Đồng Lớn, xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Nhưng ông không ở hẳn bên bà H mà đi đi về về qua lại với bà N. Hiện nay ông P đã chia tay bà Triệu Thị H về chung sống với vợ con. Nên bà N yêu cầu ly hôn, ông P không đồng ý. Ông P muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nếu xử lý ly hôn, con chung ông P chấp nhận để con cho bà N nuôi. Hiện nay ông đang thất nghiệp nên không có tiền cấp dưỡng nuôi con. Việc thăm chăm sóc con thì ông tự lo.

- Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng có mặt nguyên đơn, bị đơn. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận; giao con chung cho nguyên đơn nuôi; bị đơn không cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N khởi kiện ông P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông P hiện đang cư trú tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà N và ông P chung sống với nhau từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 15 tháng 7 năm 1999.

Khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P có người phụ nữ khác tên Triệu Thị H ở ấp Đồng Lớn, xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh từ tháng 12/2018 cho đến tháng 06/2019. Việc này nguyên đơn trình bày và bị đơn thừa nhận. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông P đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn, ông P không đồng ý ly hôn. Đồng thời, theo các biên bản xác minh ngày 28 tháng 6 năm 2019 thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông P sống chung với người phụ nữ khác tên Triệu Thị H ở ấp Đồng Lớn, xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông P không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà N và ông P có 02 con chung tên Đinh Hùng D, sinh ngày 08/6/2000 và Đinh Thị Diệu H, sinh ngày 08/01/2010. Bà N yêu cầu nuôi con chung tên Đinh Thị Diệu H, sinh ngày 08/01/2010 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung tên D đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N đang là công nhân của công ty may GIANLUCKY của Khu công nghiệp Phước Đông; có thu nhập ổn định. Bà N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi. Hiện con chung đang sống cùng bà N. Tòa án tham khảo ý kiến của con chung tại bản tự khai ngày 28/6/2019 thì H có nguyện vọng chung sống với bà N. Đây là sự tự nguyện, là ý chí tự nguyện của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con do ông P đang thất nghiệp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến bà Nguyễn.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp với các chứng cứ, lời trình bày của đương sự và nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N đối với ông Đinh Hồng P về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N ly hôn với ông Đinh Hồng P.

+ Về con chung: Giao cho bà Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Thị Diệu H, sinh ngày 08/01/2010.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị N không yêu cầu ông Đinh Hồng P cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị N chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031384 ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 8 năm 2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Lộc Ninh, huyện
Dương Minh Châu, Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Vũ Anh Tuấn**